

Số: **26** /2025/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **09** tháng **12** năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có bị thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện hỗ trợ cho vay để ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người lao động thuộc đối tượng chính sách đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 390/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 159/BC-BVHXH ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thường trú dài hạn (từ đủ 12 tháng trở lên) tại tỉnh Lào Cai có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm:

a) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) ký với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện pháp lý.

b) Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài ngắn hạn (dưới 01 năm) theo Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Người lao động nếu thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương (bao gồm hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ; chi phí ăn ở đi lại; chi phí làm các thủ tục xuất cảnh và hỗ trợ vay vốn) bằng với chính sách hỗ trợ của tỉnh thì không hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này;

2. Đối với các đối tượng không thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này;

3. Đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương nhưng mức hỗ trợ thấp hơn chính sách quy định tại Nghị quyết này thì được hỗ trợ bổ sung từ ngân sách địa phương để đảm bảo bằng mức hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết này;

4. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần chính sách hỗ trợ của tỉnh. Trường hợp người lao động đã nhận hỗ trợ chi phí tại Điều 4 nhưng không tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng);

5. Đơn vị sự nghiệp về dịch vụ việc làm thuộc Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ; chi phí ăn ở, đi lại, trang cấp đồ dùng cá nhân, khám sức khỏe; chi phí làm các thủ tục xuất cảnh;

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh là cơ quan chủ trì hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài vay vốn theo quy định.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí ban đầu như sau:

a) Đào tạo nghề: Theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo nghề nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức học phí thực tế của từng khóa học và thời gian học nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/khóa học.

c) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 40.000 đồng/người/ngày thực học; tối đa 3.120.000 đồng/người/khóa học.

d) Tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng; tối đa 1.200.000 đồng/người/khoá học.

đ) Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép và đồ dùng cá nhân liên quan): 600.000 đồng/người/khoá học.

e) Tiền đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi thường trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên: 300.000 đồng/người/khoá học.

g) Chi phí làm thủ tục cấp hộ chiếu/giấy thông hành/giấy phép xuất cảnh: Tối đa không quá 200.000 đồng/người.

h) Chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp (chi cho đối tượng không được miễn phí theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp): Tối đa không quá 200.000 đồng/người.

i) Chi phí làm thủ tục xin cấp thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; tối đa không quá 2.000.000 đồng/người.

k) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tối đa không quá 750.000 đồng/người.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ theo quy định tại điểm b, điểm g, điểm h, điểm i và điểm k khoản 1 Điều này.

3. Hỗ trợ bổ sung chi phí đào tạo nghề và đào tạo ngoại ngữ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định, gồm:

a) Hỗ trợ đào tạo nghề:

- Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/khóa học đối với lao động thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ngoài mức tối đa 2.500.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025; điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng).

- Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/khóa học đối với lao động là người dân tộc thiểu số (ngoài mức tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Thông tư số 55/2023/TT-BTC và điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC).

b) Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ:

Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.200.000 đồng/người/khóa học đối với lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (ngoài mức tối đa 2.800.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Thông tư số 55/2023/TT-BTC).

Điều 5. Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Nguyên tắc cho vay: Đúng đối tượng, bảo toàn vốn, công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Điều kiện và mức cho vay vốn:

a) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Được vay tối đa 100 triệu đồng.

b) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với chủ sử dụng lao động: Được vay tối đa 40 triệu đồng.

3. Thời hạn vay vốn:

Thời hạn vay vốn không vượt quá thời hạn ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chủ sử dụng lao động.

4. Lãi suất vay vốn, nợ quá hạn: Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn.

5. Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội cho các đối tượng đủ điều kiện vay trực tiếp tại Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lào Cai hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội nơi người lao động thường trú.

6. Thủ tục, quy trình cho vay: Thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn về nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

7. Phí ủy thác: Bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay, xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

9. Thu hồi vốn ủy thác: Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài được thực hiện theo cơ chế cho vay quay vòng và thu hồi, hoàn trả về ngân sách địa phương sau khi kết thúc thời hạn vay vốn của người lao động.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Bãi bỏ Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024-2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
3. Số thứ tự 42 Mục II.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
4. Quy định chuyển tiếp: Đối với các trường hợp người lao động, học sinh, sinh viên đã được hỗ trợ theo Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND thì tiếp tục

thực hiện cho đến khi kết thúc hợp đồng lao động, kết thúc khoá học về nước đúng quy định.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng